TÌNH HÌNH CUNG ỨNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT DÙNG TRÊN CÂY LÚA TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2019

The Situation of Supplying Pesticides for Rice in Thua Thien Hue Province, in 2019

Trần Thị Hoàng Đông, Trần Thị Xuân Phương, Thái Doãn Hùng

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế
Tác giả liên hệ: tranthihoangdong@huaf.edu.vn

Ngày nhận bài: 10.9.2020 *Ngày chấp nhận: 25.9.2020*

Abstract

Supplying and using pesticides are concerned issues in Vietnam, especially on rice. We conducted a survey of 30 pesticide dealers in Thua Thien Hue province in 2019 on the situation of supplying pesticides for rice and given result has shown that: all dealers who are qualified for sale had licence with 100% and they are 5 - 15 years of experience selling pesticides. The result has also shown that: quality, price of products and environmental impact were three criterias that dealers considered choosing pesticides products and 3/22 companies have the largest market in Thua Thien Hue province were Syngenta, Bayer, and Loc Troi group. There are total of 93 pesticide products selected for farmers spraying on rice filed in Thua Thien Hue including 22 fungicides, 32 insecticides, 24 herbicides, 11 molluscicide and 4 rodenticides and 86.66% of them were bio-products. Most of outdated products had been treated by returning them to companies couted up to 90% dealers. Through this study, we have not found any mistakes of pesticide dealers in Thua Thien Hue yet.

Keywords: survey 30 pesticide dealers, Thua Thien Hue province, pesticides for rice, 2019.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ sau cuộc cách mạng xanh, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng trừ sâu bệnh bảo vệ năng suất cây trồng, đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm. Tuy nhiên, theo Sarazy, Kenmor (2008 – 2011) ở các nước châu Á trồng nhiều lúa trong 10 năm (2000 - 2010) sử dụng phân bón tăng 100%, sử dụng thuốc BVTV tăng 200 - 300% nhưng năng suất hầu như không tăng, số lần phun thuốc trừ sâu không tương quan hoặc thậm chí tương quan nghịch với năng suất (Thực trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp ở Việt Nam, 2013).

Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (2018) đã cho rằng tình trạng lạm dụng thuốc BVTV thời gian qua dẫn đến làm tăng giá thành sản phẩm nông sản, tác động không nhỏ tới môi trường. Bên cạnh đó, ông Nguyễn Văn Sơn (Chủ tịch Hiệp hội Sản xuất và Kinh doanh thuốc BVTV Việt Nam) cũng cho biết hiện nay việc sử dụng thuốc BVTV của bà con nông dân còn tùy tiện, kém hiểu biết và phụ thuộc hoàn toàn vào hướng dẫn của đại lý bán hàng. Trình độ chuyên môn của các nhân viên đại lý kinh doanh thuốc BVTV còn yếu kém, chạy theo lợi nhuận, bất chấp hiệu quả xấu có thể gây ra. Trong khi đó, một số các cấp chính quyền còn phó mặc cho phía ngành BVTV. Đó là khó khăn thách thức chung của các cơ quan quản lý cũng như của các cơ sở kinh doanh uy tín. Vì vậy, trước thách thức của biến đổi khí hậu, nguy cơ làm gia tăng dịch bệnh đối với cây trồng và những đòi hỏi yêu cầu về chất lượng sản phẩm trồng trọt từ thị trường, đòi hỏi công tác BVTV phải có sự thay đổi nhằm đáp ứng yêu cầu hạn chế, khắc phục tình trạng lạm dụng thuốc BVTV, giảm giá thành sản phẩm, gia tăng chất lượng nông sản đồng thời bảo vệ tốt môi trường.

Tại Đồng bằng sông Cửu Long, thực trạng về sử dụng và quản lý thuốc bảo vệ thực vật đã làm nổi lên vấn đề đáng báo động là phần lớn người nông dân sử dụng và bảo quản thuốc BVTV không hợp lý (Phạm Văn Toàn, 2013). Để khắc phục tình trạng lạm dụng BVTV, phát huy hiệu quả của các loại thuốc BVTV được sử dụng, chúng ta cần nắm rõ tình hình cung ứng thuốc BVTV trên thị trường, để từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp.

Nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá tình hình cung ứng thuốc BVTV trên cây lúa của các đại lý ở Thừa Thiên Huế và xác định được chủng loại sản phẩm thuốc BVTV sử dụng trên cây lúa tại Thừa Thiên Huế để có

những giải pháp trong quản lý và sử dụng thuốc BVTV phù hợp tại địa phương.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu

- Đại lý phân phối thuốc BVTV tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Tiêu chí chọn đại lý: là các đại lý lớn, có uy tín trong vùng, được nhiều người biết đến và có kiến thức cũng như kinh nghiệm trong việc cung ứng thuốc BVTV;
- Sản phẩm thuốc BVTV dùng trên cây lúa tại Thừa Thiên Huế.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

- Phỏng vấn trực tiếp đại lý bằng bảng hỏi thiết kế sẵn, khai thác thông tin, chỉ tiêu về kinh nghiệm kinh doanh thuốc BVTV, tiêu chí lựa chọn nhà cung ứng, sản phẩm, căn cứ bán thuốc cho người dân, chủng loại sản phẩm thuốc BVTV dùng cho cây lúa...Tiến hành phỏng vấn nhanh gọn, chính xác, trung thực, hỏi đáp trong thời gian nhanh nhất. Phỏng vấn vào cuối buổi sáng, đầu giờ chiều, và cuối buổi chiều để không ảnh hưởng hay cản trở việc kinh doanh của các đại lý.
- Tiêu chí chọn đại lý: chọn 30 đại lý có kinh nghiệm về kinh doanh thuốc BVTV trên địa bàn các huyện, thị xã của tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy, huyện Phú Vang, huyện Phú Lộc, huyện Quảng Điền, huyện Phong Điền và huyện Nam Đông (Bảng 1).

Bảng 1. Danh sách đại lý được lựa chọn phỏng vấn

STT	Tên đại lý	Địa chỉ
1	Huệ Lữ	xã Điền Môn, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế
2	Thu Sương	xã Phong Hiền, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế
3	Hồ Viết Thái	xã Phong Bình, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế
4	Hoàng Văn Hiền	xã Phong Hiền, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế
5	Hồng Đoàn	xã Phong Bình, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế
6	Văn Công Thiện	xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
7	Trang Nhã	xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
8	Nguyễn Hữu Tám	thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
9	Phước Hà	xã Quảng phú, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
10	Nguyễn Thị Hoa	xã Quảng lợi, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
11	Don Mão	xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
12	Hồ Đăng Hồng	thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
13	Na Thìn	phường Hương An, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế
14	Nguyễn Phi Đăng	Hương Cần, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế
15	Trần Văn Trình	Văn Xá, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế
16	Sơn Thạnh	phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế
17	Trịnh Thị Chiến	phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà,Thừa Thiên Huế
18	Thu Chính	phường Hương Chữ, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế
19	Nguyễn Thị Hiền	phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế
20	Ngô Cấp	xã Hương Phong, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế
21	Hà Văn Chữ	phường Hương An, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế
22	Thuận Mười	phường Hương An, thị xã Hương Trà, Thừa Thiên Huế
23	Quang Hiếu	xã Vinh Thái, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế
24	A! Đây rồi	xã Phú Đa, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế
25	Nguyễn Thị Bảo Thoa	xã Lộc An, huyện Phú lộc, Thừa Thiên Huế
26	Ngọc	thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, Thừa Thiên Huế
27	Quang Đào	thị trấn Phú Bài, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế
28	Nguyễn Đình Đàng	xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế
29	Nguyễn Thị Sỹ	thị trấn Phú Bài, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế
30	Nam Liễu	phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

- Thời gian nghiên cứu: Tháng 1 - tháng 5 năm 2019.
- Xử lý số liệu: Số liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm Excel 2010.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thông tin chung về các đại lý kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Qua Bảng 2 cho thấy: 100% các đại lý kinh doanh thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đều có giấy phép kinh doanh và được cấp giấy chứng nhận kinh doanh thuốc BVTV. Điều này cho thấy các đại lý đã tuân thủ quy định của nhà nước về điều kiện kinh doanh thuốc BVTV. Nhìn chung, các đại lý bán thuốc BVTV đều có kinh nghiệm, trong đó có 50% (15 đại lý) đã kinh doanh thuốc BVTV 15 năm, kinh nghiệm từ 5 - 10 năm và 10 - 15 năm đều chiếm 23,33% (7 đại lý) và dưới 5 năm chỉ có 1 đại lý chiếm 3,33%.

Bảng 2. Thông tin chung về đại lý cung ứng thuốc BVTV ở tỉnh Thừa Thiên Huế

Tiêu chí đánh giá		Số lượng đại lý	Tỷ lệ (%)
Giấy chứng nhận kinh doanh	Có	30	100
	Không	0	0
Kinh nghiệm kinh doanh thuốc BVTV	Dưới 5 năm	1	3,33
	5 – 10 năm	7	23,33
	10 – 15 năm	7	23,33
	Trên 15 năm	15	50,00
Cơ sở bán thuốc cho người dân của các đại lý	Kiến thức và kinh nghiệm bản thân	26	86,66
	Khuyến cáo của chi cục BVTV	13	43,33
	Hướng dẫn trên nhãn mác, bao bì	4	13,33
	Nhu cầu của nông dân	2	6,66
Tiêu chí lựa chọn công ty cung cấp thuốc cho đại lí	Chất lượng, hiệu quả phòng trừ	29	96,66
	Giá thành sản phẩm	18	60,00
	Ít tác động đến môi trường	12	40,00
	Thị hiếu người tiêu dùng	10	33,33
	Mẫu mã, bao bì sản phẩm	8	26,66
	Tư vấn từ nhân viên thị trường	1	3,33

Các đại lý bán thuốc cho người dân chủ yếu dựa vào kiến thức và kinh nghiệm của bản thân, chiếm 86,66%, tiếp đến là dựa vào sự khuyến cáo của chi cục BVTV, chiếm 43,33%. Có 4 đại lý (13,33%) dựa vào hướng dẫn của nhà sản xuất trên nhãn mác để tư vấn và bán thuốc và chỉ có 2 đại lý (6,66%) bán thuốc theo yêu cầu của nông dân.

Trong các tiêu chí để lựa chọn sản phẩm thì theo ý kiến các đại lý cho rằng tiêu chí về chất lượng là quan trọng nhất, với 96,66% các đại lý đều căn cứ vào chất lượng sản phẩm để quyết định có bán sản phẩm đó hay không. Và đây cũng là xu hướng thị trường trong tương lai khi mà mức độ cạnh tranh ngày càng nhiều thì chất lượng sản phẩm sẽ là yếu tố giúp các đại lý giữ được lòng tin với khách hàng của mình. Theo sau chất lượng sản phẩm thì giá thành cũng là yếu tố chi phối rất lớn đến việc lựa chọn sản phẩm của các đại lý, có đến 18 đại lý (60%) lựa chọn sản phẩm phân phối dựa vào giá thành, điều này rất thực tế vì kinh doanh là phải đem về lợi nhuận. Ngoài ra, các tiêu chí về môi trường, mẫu mã bao bì và thị hiếu người dùng cũng được các đại lý quan tâm với tỷ lệ lựa chọn sản phẩm lầ lượt là 40; 33,33 và 26,66%. Chỉ có 1 đại lý (3,33%) lựa chọn sản phẩm theo sự tư vấn từ nhân viên thị trường. Kết quả này cho thấy các đại lý đều có kiến thức nhất định nên không còn phụ thuộc nhiều vào sự tư vấn từ nhân viên thị trường của các công ty thuốc (Bảng 2).

3.2 Thị phần các công ty cung ứng thuốc Bảo vệ thực vật tại tỉnh Thừa Thiên Huế

Qua điều tra cho thấy có 22 công ty công ty được các đại lý bán thuốc BVTV ở Thừa Thiên Huế lựa chọn sản phẩm để phân phối. Điều này

chứng tỏ số lượng công ty thuốc BVTV ở tỉnh Thừa Thiên Huế rất đa dạng và phong phú, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nông dân trong việc lựa chọn thuốc BVTV (Bảng 3).

Bảng 3. Danh sách và thị phần các công ty được đại lý lựa chọn sản phẩm phân phối trên cây lúa ở tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019

STT	Tên công ty	Số lượng đại lý	Tỉ lệ (%)	STT	Tên công ty	Số lượng đại lý	Tỉ lệ (%)
1	Syngenta	29	96,66	12	Ngọc Tùng	5	16,66
2	Bayer	28	93,33	13	CEC Hà Nội	4	13,33
3	Lộc Trời	26	86,66	14	SPC	3	10,00
4	Map-pacific	23	76,66	15	Hòa Bình	2	6,66
5	VFC	21	70,00	16	Hợp Trí	2	6,66
6	Vipesco	18	60,00	17	American	2	6,66
7	H.A.I	12	40,00	18	Nông Phát	2	6,66
8	Quang Nông	11	36,66	19	Điện Bàn	1	3,33
9	Nicotex	10	33,33	20	Agricare	1	3,33
10	Naka Japan	9	30,00	21	Nam Nông	1	3,33
11	BVTV1 TW	6	20,00	22	A-A	1	3,33

Về thị phần các công ty cho thấy: Syngenta, Bayer và Lộc Trời là 3 công ty được lựa chọn nhiều nhất với tỷ lệ đại lý lựa chọn lần lượt là 96,66; 93,33 và 86,66%. Đây đều là 3 công ty có uy tín và sản phẩm có chất lượng trên thị trường được nhiều người dân tin dùng. Bên cạnh đó, các công ty khác cũng được lựa chọn với tỷ lệ cao như Map-pacific chiếm 76,66%, VFC chiếm 70%, Vipesco chiếm 60%,…Các công ty khác như Điện Bàn, Agricare, Nam Nông, A-A, chiếm tỷ lệ nhỏ với 3,33%.

3.3 Thông tin về sản phẩm thuốc Bảo vệ thực vật được cung ứng sử dụng cho cây lúa ở Thừa Thiên Huế năm 2019

Kết quả điều tra ở Bảng 4 cho thấy: Nhóm thuốc trừ bệnh có 22 tên thương phẩm được phân phối trên thị trường Thừa Thiên Huế, các loại thuốc này công ty khác nhau như Syngenta, Lộc Trời, VFC, Vipesco,…Trong đó, có 17 hoạt chất khác nhau và phổ biến nhất là 2 hoạt chất Tricyclazole và Isoprothiolane đều chiếm tỷ lệ 27,27%. Các loại thuốc trừ bệnh này được sử dụng chủ yếu trong vụ Đông Xuân 2018 - 2019 để phòng trừ bệnh đạo ôn, khô vằn và bạc lá lúa, với tỷ lệ tương ứng là 45,4; 40,91 và 13,64%.

Bảng 4. Danh mục sản phẩm thuốc trừ bệnh dùng trên cây lúa được các đại lý tại Thừa Thiên Huế cung ứng trong năm 2019

STT	Tên sản phẩm	Thành phần/hoạt chất	Đối tượng phòng trừ	Nhà sản xuất
1	Validan 3SL	Validamycin A 3%	Khô vằn	Lộc Trời
2	Nevo 330EC	Cyproconazole 80g/l + Propiconazole 250g/l	Khô vằn	Syngenta
3	Fuji-one 40EC	Isoprothiolane 40%w/w	Đạo ôn	VFC
4	Tilt super 300EC	Difenoconazole 150g/l +Propiconazole 150g/l	Khô vằn	Syngenta
5	Anvil 5SC	Hexaconazole 50g/l	Khô vằn	Syngenta
6	Beam 75WP	Tricyclazole min 95 %	Đạo ôn	American
7	Map Famy 700WP	Fenoxanil 200g/kg + Tricyclazole 500g/kg	Đạo ôn	Map-pacific
8	Đạo ôn Naka	Tricyclazole 55g/kg + Isoprothiolane 10g/kg + Propineb 150g/kg	Đạo ôn	Naka Japan
9	Nanowall 300WP	Bismerthiazol 290g/kg + Kasugamycin 10g/kg	Bạc lá lúa	Nam Nông

STT	Tên sản phẩm	Thành phần/hoạt chất	Đối tượng phòng trừ	Nhà sản xuất
10	NP G6 860WP	Isoprothiolane 460g/kg + Tricyclazole 400g/kg	Đạo ôn	Nông Phát
11	Amistar Top 325SC	Azoxystrobin 200g/l + Difenoconazole 125g/l	Khô vằn	Syngenta
12	Fuan 40EC	Isoprothiolane (min 96 %)	Đạo ôn	Lộc trời
13	Team gold 101WP	Kasugamycin 1g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Bạc lá lúa	Liên doanh Nhật Mỹ
14	Nativo 750WP	Tebuconazole 500g/kg + 250 g/kg Trifloxystrobin	Khô vằn	Bayer
15	Vivadamy 3SL	Validamycin A 3%w/w	Khô vằn	Vipesco
16	Avikhuan 105SP	Oxytetracyline hydrochloride 2g/kg + Streptomycin sulfate 100g/kg	Bạc lá lúa	Hóa sinh Thụy sỹ
17	Difusan 40EC	Edifenphos 200g/l + Isoprothiolane 200g/l	Đạo ôn	BVTV1 TW
18	BeamGreen 750WP	Tricyclazole 750g/kg	Đạo ôn	American
19	Sieubem 555WP	Hexaconazole 50g/kg + Propiconazole 150g/kg + Tricyclazole 355g/kg	Đạo ôn	Hòa Bình
20	Awin 100SC	Hexaconazole 100g/l	Khô vằn	Hoàng Anh
21	Ninja 35EC	Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 300g/l	Đạo ôn	VFC
22	Vivadamy 3SL	Validamycin-A 3%	Khô vằn	Vipesco

Đối với thuốc trừ sâu: kết quả ở bảng 5 cho thấy có 32 tên thương phẩm khác nhau, đến từ nhiều công ty như Ngọc Tùng, Syngenta, VFC, SPC, CEC, Nicotex,…Một số hoạt chất được sử dụng nhiều như Chlorpyrifos ethyl, Emamectin Benzoate, Fipronil để phòng trừ chủ yếu là rầy nâu, chiếm 43,75%, sâu cuốn lá (28,13%), sâu đục thân (12,5%), bọ trĩ (9,38%) và thuốc trừ nhện gié (6,24%).

Bảng 5. Danh mục sản phẩm thuốc trừ sâu và nhện dùng trên cây lúa được các đại lý tại Thừa Thiên Huế cung ứng trong năm 2019

STT	Tên sản phẩm	Thành phần/hoạt chất	Đối tượng phòng trừ	Nhà sản xuất
1	Map arrow 420WP	Chlorpyrifos ethyl 300g/kg + Pymetrozine 120g/kg	Rầy nâu	Map-pacific
2	Dylan 2EC	Emamectin benzoate 2%	Sâu cuốn lá	Nicotex
3	ViBasa 50EC	Fenobucarb 50%	Rầy nâu	VFC
4	Oxatin 1.8EC	Abamectin 1,8%	Sâu cuốn lá	Sơn Thành
5	Solomon 300OD	Beta-cyfluthrin 90g/l + Imidacloprid 210g/l	Rầy nâu	Bayer
6	Tata 25WG	Thiamethoxam 25%	Rầy nâu	Ngọc Tùng
7	Diophos 666EC	Chlorpyrifos ethyl 425g/l + Deltamethrin 36g/l + Quinalphos 205g/l	Sâu cuốn lá	Hòa Bình
8	Chess 50WG	Pymetrozine 500g/kg	Rầy nâu	Syngenta
9	Vimatox 1,9EC	Emamectin benzoate 1,9%	Bọ trĩ	Vipesco
10	Asimo 10WP	Alpha - cypermethrin 2,5%	Sâu cuốn lá	Ngọc Tùng
11	Eagle 50WG	Imidacloprid 10%	Bọ trĩ	Thôn Trang
12	Sudan 650EC	Emamectin benzoate 50g/kg	Sâu đục thân	BVTV Hà Nội
13	Dollar 50WP	Alpha-cypermethrin (50g/l) + Chlorpyrifos Ethyl (600g/l)	Rầy nâu	SPC

STT	Tên sản phẩm	Thành phần/hoạt chất	Đối tượng phòng trừ	Nhà sản xuất
14	Actimax 50WG	Emamectin benzoate 50g/kg	Sâu cuốn lá	CEC
15	Anvado 100WP	Emamectin benzoate 50g/kg	Nhện gié	Hợp Trí
16	Map wing 45WP	Imidacloprid 10%	Rầy nâu	Vithaco
17	Miretox 250WP	Fipronil 300g/kg + Indoxacarb 150g/kg	Sâu cuốn lá	Map-pacific
18	Tasieu 5WG	Imidacloprid 250g/kg	Rầy nâu	Hóa sinh Thụy Sỹ
19	Angun 5WG	Emamectin benzoate 5% (50g/kg)	Sâu đục thân	Vithaco
20	Virigent 800WG	Emamectin benzoate 5%	Sâu đục thân	Lộc Trời
21	Tango 800WG	Fipronil 800g/kg	Bọ trĩ	Vipesco
22	Thần địch trùng 200WP	Fipronil 800g/kg	Rầy nâu	BVTV1 TW
23	Saliphos 35EC	Imidacloprid 200g/kg	Rầy nâu	Nam Nông Phát
24	Padan 95SP	Phosalone 35%	Sâu cuốn lá	SPC
25	Blugent 75SC	Cartap 950g/kg	Sâu đục thân	Sumitomo Chemical
26	Comda gold 5WG	Fipronil 50g/l + Indoxacarb 25g/l	Sâu cuốn lá	American
27	Chesgold 550WG	Emamectin Benzoate 5%	Rầy nâu	SPC
28	B40 supper 3.6EC	Pymetrozine 500g/kg +Buprofezin 50g/kg	Rầy nâu	Naka Japan
29	Marshal 200SC	Abamectin 3.6%	Nhện gié	SPC
30	Cytox 250WP	Carbosulfan 200g/l	Rầy nâu	VFC
31	Diophos 666EC	Buprofezin 150g/kg + Imidaclorid 100g/kg	Rầy nâu	American
32	Asimo 10WP	Chlorpyrifos ethyl 425g/l + Deltamethrin 36g/l + Quinalphos 205g/l	Sâu cuốn lá	A-A

Thuốc trừ cỏ có 24 loại khác nhau được sử dụng phổ biến tại thị trường Thừa Thiên Huế. Trong đó, nhóm thuốc tiền nảy mầm có 7 tên thương phẩm với 2 hoạt chất chính là Pretilachlor và Butachlor,chiếm tỷ lệ là 29,17%. Nhóm thuốc cỏ hậu nảy mầm thì đa dạng và phong phú hơn với 17 tên thương phẩm chiếm tỷ lệ 70,83%, chứa các hoạt chất chính như Quinclorac, Bensulfuron Methyl, Cyhalofop-butyl,…Trong thuốc trừ cỏ hậu nảy mầm thì có 2 nhóm là hậu nảy mầm sớm và hậu nảy mầm muộn. Thuốc trừ cỏ hậu nảy mầm sớm có 7 tên thương phẩm chiếm 29,17%, nhóm hậu nảy mầm muộn có 10 tên thương phẩm chiếm 41,66% (Bảng 6).

Bảng 6. Danh mục sản phẩm thuốc trừ cỏ dùng trên cây lúa được các đại lý tại Thừa Thiên Huế cung ứng trong năm 2019

STT	Tên sản phẩm	Thành phần/hoạt chất	Đối tượng phòng trừ	Nhà sản xuất
1	Sofit 300EC	Pretilachlor 300g/l + chất an toàn Fenclorim 100g/l	Tiền nảy mầm	Syngenta
2	Nominee 10SC	Bispyribac – Sodium 100g/l	Hậu nảy mầm muộn	VFC
3	Sunrice 15WG	Ethoxysulfuron 150g/kg	Hậu nảy mầm sớm	Bayer
4	Quinix 32WG	Quinclorac 28% + Bensulfunron 4% w/w	Hậu nảy mầm sớm	Nicotex
5	Anco 600SL	2,4D Dimethyl amine 600g/l	Hậu nảy mầm muộn	Lộc Trời
6	New Rofit 350EC	Pretilachlor 300g/l + Butachlor 50g/l + Fenclorim 100g/l	Tiền nảy mầm	Hòa Bình
7	Ankill A 40WP	Bensulfuron Methyl 6% + Quinclorac 34%	Hậu nảy mầm muộn	Lộc Trời
8	Topshot 60OD	Cyhalofop-butyl 50g/l + Penoxsulam 10g/l	Hậu nảy mầm sớm	H.A.I
9	Ekill 37WG	Quinclorac 37% w/w	Hậu nảy mầm sớm	Map-pacific

STT	Tên sản phẩm	Thành phần/hoạt chất	Đối tượng phòng trừ	Nhà sản xuất
10	Sirius 10WP	Pyrazosulfuron Ethyl 10% w/w	Hậu nảy mầm sớm	H.A.I
11	Topsuper 560WP	Quinclorac 305g/kg + Bensulfuron Methyl 55g/kg + Cyhalofop-butyl 200g/kg	Hậu nảy mầm muộn	TAT
12	Sifata 36WP	Quinclorac 33% + Bensulfuron Methyl 3%	Hậu nảy mầm muộn	Vithaco
13	Tomit 360EC	Pretilachlor 360g/l + Fenclorim 150g/l	Tiền nảy mầm	H.A.I
14	Fasi 50WP	Quinclorac 470g/l + Pyrazosulfuron Ethyl 30g/kg	Hậu nảy mầm sớm	Map-pacific
15	Ginga 33WG	Metazosulfuron 33%	Hậu nảy mầm sớm	Arysta
16	Topsuper 407WP	Bensulfuron Methyl 63g/kg + Quinclorac 343g/kg + Cyhalofop-butyl 1g/kg	Hậu nảy mầm muộn	Naka Japan
17	Lambast 60EC	Butachlor 600g/l + Fenclorim 60g/l	Tiền nảy mầm	A-A
18	Newfit 330EC	Butachlor 30g/l + Pretilachlor 300g/l + Fenclorim 100g/l	Tiền nảy mầm	Việt Đức
19	Halosuper 250WP	Halosulfuron methyl 250g/kg	Hậu nảy mầm muộn	An Nông
20	Starfit 300EC	Pretilachlor 300g/l + Fenclorim 100g/l	Tiền nảy mầm	American
21	Pyanchor gold 8.5EC	Pyribenzoxim 2.5% + Cyhalofop-butyl 6.0%	Hậu nảy mầm muộn	SPC
22	Clincher 10EC	Cyhalofop-butyl 10% w/w	Hậu nảy mầm muộn	H.A.I
23	Nasip 50WP	Quinclorac 47% + Pyrazosulfuron Ethyl 3% w/w	Hậu nảy mầm muộn	Nicotex
24	Vifiso 300EC	Pretilachlor 300g/l + Fenclorim 100g/l	Tiền nảy mầm	Vipesco

Đối với thuốc trừ ốc có 11 sản phẩm được sử dụng rộng rãi để trừ ốc chứa 2 nhóm hoạt chất chính gồm Niclosamide và Metadehyde (Bảng 7). Kết quả cũng cho thấy, các loại thuốc trừ ốc có thành phần Niclosamide chủ yếu dùng phương pháp phun lỏng còn thuốc có hoạt chất Metadehyde đa phần có dạng hạt nên dùng rải trực tiếp.

Bảng 7. Danh mục sản phẩm thuốc trừ ốc dùng trên cây lúa được các đại lý tại Thừa Thiên Huế cung ứng trong năm 2019

STT	Tên sản phẩm	Thành phần/hoạt chất	Cách sử dụng	Nhà sản xuất
1	Viniclo 70WP	Niclosamide 70%	Phun lỏng	Vipesco
2	Pazol 700WP	Niclosamide 700g/kg	Phun lỏng	Nicotex
3	Tulip 12.5AB	Metadehyde 12,5%	Rải trực tiếp	Thôn Trang
4	AC-Snailkill 700WP	Niclosamide 700g/kg	Phun lỏng	American
5	Sieu Nail 700WP	Niclosamide 700g/kg	Phun lỏng	CEC
6	Boxer 15GR	Metadehyde 15%	Rải trực tiếp	BVTV1 TW
7	BlackCarp 750WP	Niclosamide 750g/kg	Phun lỏng	CEC
8	Clodan super 700WP	Niclosamide 700g/kg	Phun lỏng	Hòa Bình
9	Map Passion 10GR	Metadehyde 10%	Rải trực tiếp	Map-pacific
10	Honeycin 6GR	Metadehyde 6%	Rải trực tiếp	H.A.I
11	Snail Killer 12GR	Metadehyde 12%	Rải trực tiếp	Ngọc Tùng

Nhóm thuốc diệt chuột chỉ có 4 tên thương phẩm được sử dụng phổ biến nhưng mỗi sản phẩm là một thành phần khác nhau gồm 4 thành phần Coumatetralyl, Warfarin, Diphacinone và Flocoumafen. Tuy nhiên, tất cả các sản phẩm này đều có chung một cơ chế tác động là chống đông máu (Bảng 8).

Bảng 8. Danh mục sản phẩm thuốc trừ chuột dùng trên cây lúa được các đại lý tại Thừa Thiên Huế cung ứng trong năm 2019

STT	Tên sản phẩm	Thành phần/hoạt chất	Cơ chế tác động	Nhà sản xuất
1	Racumin 0,75TP	Coumatetralyl 0,75%	Chống đông máu	Bayer
2	Rat-kill 2%DP	Warfarin 2%	Chống đông máu	Agricare VietNam
3	Kaletox 800WP	Diphacinone 800g/kg	Chống đông máu	Vithaco
4	Storm 0,005%	Flocoumafen 0,005%	Chống đông máu	BASF Vietnam

Kết quả ở bảng 9 cho thấy: Thuốc trừ sâu kinh doanh và tiêu thụ nhiều ở Thừa Thiên Huế thuộc 2 cơ chế tác động là tiếp xúc và vị độc. Trong đó, cơ chế tiếp xúc chiếm 80% với 24 đại lý lựa chọn và tác động vị độc chiếm 73,33% tương ứng với 22 đại lý lựa chọn. Sở dĩ thuốc trừ sâu có tác động tiếp xúc và vị độc được phân phối nhiều là do đối tượng sâu hại chủ yếu trên đồng ruộng là sâu cuốn lá và các loài chích hút như rầy nâu. Bênh cạnh đó, thuốc trừ sâu lưu dẫn cũng chiếm tỷ lệ khá cao 56,66% được dùng chủ yếu để tiêu diệt các loại sâu đục thân. Cơ chê tác động xông hơi và thấm sâu chiếm tỷ lệ thấp hơn, lần lượt là 23,33% và 16,66%.

Bảng 9. Cơ chế tác động của thuốc trừ sâu và trừ bệnh trên cây lúa thuốc được các đại lý tại Thừa Thiên Huế cung ứng trong năm 2019

Cơ chế tác động	Thuốc trừ sâu		Thuốc trừ bệnh	
	Số lượng đại lý	Tỉ lệ (%)	Số lượng đại lý	Tỉ lệ (%)
Tiếp xúc	24	80,00	15	50,00
Vị độc	22	73,33	0	0,00
Lưu dẫn	17	56,66	25	83,33
Xông hơi	7	23,33	0	0,00
Thấm sâu	5	16,66	17	56,66

Đối với thuốc trừ bệnh được phân phối tại các đại lý thuộc 3 cơ chế tác động là tiếp xúc, lưu dẫn và thấm sâu. Trong đó, chiếm tỷ lệ cao nhất là cơ chế lưu dẫn với 83,33% đại lý chọn, tiếp đến là thuốc trừ bệnh có cơ chế thấm sâu với 56,66% đại lý và cuối cùng là thuốc tiếp xúc có tỷ lệ 50% số đại lý được phỏng vấn.

Về nguồn gốc các loại thuốc được đại lý lựa chọn để cung ứng cho thấy: Đa số các loại thuốc trên thị trường đều có nguồn gốc sinh học, chiếm tỷ lệ là 86,66% với 26 đại lý lựa chọn phân phối. Thuốc có nguồn gốc hóa học ít hơn chiếm tỷ lệ 23,33% với 7 đại lý. Có thể thấy các loại thuốc có nguồn gốc sinh học đang đần trở thành xu hướng trong tương lai và thay thế các loại thuốc có nguồn gốc hóa học (Bảng 10).

Khi hỏi về mức độ thường xuyên kiểm tra hàng hóa trong kho cho thấy các đại lý thường kiểm tra hằng ngày (có 10 đại lý, chiếm 33,33%) và hằng tuần (có 13 đại lý, chiếm 43,33%). Bên cạnh đó, cũng còn 7 đại lý (23,33%) thực hiện kiểm tra hàng hóa sản phẩm ít thường xuyên là kiểm tra hằng tháng.

Đối với việc xử lý thuốc quá hạn ở kết quả trong bảng 10 cho thấy: không có đại lý nào bán thuốc đã hết hạn cho nông dân. Theo các đại lý cho biết thuốc hết hạn vẫn có thể sử dụng, tuy nhiên vì uy tín của đại lí nên họ thường không bán sản phẩm hết hạn. Có 90% số đại lý áp dụng biện pháp trả lại cho công ty sản xuất hoặc nhà phân phối. Vì hiện nay, phần lớn các công ty kinh doanh và phân phối thuốc BVTV khi hợp tác với đại lý đều có thỏa thuận sẽ nhận lại hàng nếu quá hạn sử dụng mà vẫn chưa bán được. Có 2 đại lý chọn cách bỏ thùng rác để được đưa đi tiêu hủy (chiếm 6,66%) và 2 đại lý khẳng định

không bao giờ để xảy ra tình trạng thuốc quá hạn, thường bán tới đâu thì nhập tới đó, không tích trữ, nên không có tình trạng thuốc hết hạn (chiếm 6,66%). Giải pháp giao cho chi cục xử lý chỉ có 1 đại lý lựa chọn (chiếm 3,33%), tuy nhiên đại lý này cho biết giải pháp này cũng rất hạn chế, vì thủ tục phức tạp và tốn chi phí, nên các đại lý thường không chọn cách này.

Bảng 10. Nguồn gốc các loại thuốc, mức độ kiểm tra hàng hóa và cách xử lý thuốc khi quá hạn

Nội dung	Chỉ tiêu	Số lượng đại lý	Tỷ lệ (%)
Nguồn gốc các loại thuốc	Sinh học	26	86,66
	Hóa học	7	23,33
	Khác	0	0,00
Mức độ thường xuyên kiểm tra hàng hóa trong kho	Hằng tuần	13	43,33
	Hằng ngày	10	33,33
	Hằng tháng	7	23,33
Xử lý thuốc quá hạn	Trả lại cho công ty sản xuất	27	90,00
	Bỏ thùng rác	2	6,66
	Không có trường hợp hết hạn	2	6,66
	Giao cho chi cục xử lý	1	3,33
	Vẫn dùng được, cứ bán tiếp	0	0,00

4. KẾT LUẬN

- 100% đại lý cung ứng thuốc BVTV tại tỉnh Thừa Thiên Huế đều tuân thủ quy định của pháp luật về việc đăng kí giấy phép kinh doanh. Phần lớn các đại lý đều có nhiều năm kinh nghiệm trong việc kinh doanh thuốc BVTV (từ 5 - 10 năm).

- Tình hình kinh doanh thuốc BVTV tại Thừa Thiên Huế cho thấy lựa chọn nhà cung ứng phong phú với 22 công ty và chiếm thị phần nhiều nhất là Syngenta, Bayer, Lộc trời.

- Chất lượng, giá thành và tác động môi trường là 3 tiêu chí mà các đại lý cho rằng là quan trọng nhất trong việc lựa chọn các sản phẩm.

- Có 93 sản phẩm thuốc BVTV được các đại lý lựa chọn để bán cho người nông dân sử dụng trên cây lúa ở Thừa Thiên Huế. Trong đó có 22 sản phẩm thuốc trừ bệnh, 32 sản phẩm thuốc trừ sâu, 24 sản phẩm thuốc trừ cỏ, 11 sản phẩm thuốc trừ ốc và 4 sản phẩm thuốc trừ chuột.

- 86,66% thuốc BVTV trên cây lúa được phân phối có nguồn gốc sinh học và phần lớn các đại lý phân phối thuốc BVTV tại Thừa Thiên Huế đều có ý thức trong việc kiểm tra và xử lý thuốc quá hạn sử dụng bằng cách trả hàng lại cho nhà sản xuất là chủ yếu, chiếm 90%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2019. *Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại việt nam* (Thông tư số 10/2019/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2019).

2. Để thuốc bảo vệ thực vật không còn là nỗi "ám ảnh" của bữa cơm gia đình, 2018. Truy cập vào 15h ngày 08/9/2020 trên website http://baochinhphu.vn/Kinh-te/De-thuoc-BVTV-khong-con-la-noi-am-anh-cua-bua-com-gia-dinh/349867.vgp

3. Phạm Văn Toàn, 2013. Thực trạng sử dụng thuốc BVTV và một số giải pháp giảm thiểu việc sử dụng thuốc không hợp lý trong sản xuất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí khoa học trường Đại học Cần Thơ*, trang 47 – 53.

4. Thực trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp ở Việt Nam, 2013. Truy cập vào 21h ngày 25/8/2020 trên website http://vusta.vn/chitiet/tin-tuyen-sinh-dao-tao/Thuc-trang-su-dung-thuoc-bao-ve-thuc-vat-trong-nong-nghiep-o-Viet-Nam-1011.

Phản biện: **TS. Nguyễn Thị Thu Thủy**